

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/KDTM-ST

Ngày 18-11-2019

V/v tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh;

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 46/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B; trụ sở: Đường D, khu công nghiệp P, phường M, huyện P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích N, sinh năm: 1990 (theo giấy uỷ quyền ngày 30/3/2019). (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần P; trụ sở: Đường K, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn:

- Ông Phạm Văn Thiên H, sinh năm: 1980; chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Tâm T, sinh năm: 1983; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/9/2019 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B), có bà Nguyễn Bích N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/9/2018, Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P) có ký hợp đồng nguyên tắc số NPP-02//BMAV/2018 với Công ty B với nội dung: Nguyên đơn sẽ cung cấp cho bị đơn sản phẩm phân bón gốc SPECTRUM NP 25-25 với số lượng tối thiểu 1 lần nhận hàng: 50 tấn, bị đơn sẽ được độc quyền bán sản phẩm trên trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, thời gian độc quyền phân phối 01 năm được tính từ 01/9/2018 đến 01/9/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện việc mua bán nhiều lần, bị đơn trả tiền đầy đủ, đến ngày 30/11/2018 bị đơn đặt mua hàng theo hai hóa đơn AV/18P#0003256, AV/18P#0003274 nhưng không thanh toán. Ngày 31/12/2018 hai bên lập biên bản xác nhận công nợ nội dung thể hiện Công ty P còn nợ Công ty B số tiền 240.000.000 đồng. Mặc dù đã nhắc nhở nhiều lần về công nợ nhưng Công ty P vẫn chưa thanh toán. Vì vậy, Công ty B yêu cầu Công ty P trả số tiền còn nợ gốc là 240.000.000 đồng và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/12/2018 đến 30/3/2019 là 8.568.000 đồng.

Ngày 18/9/2019, Công ty B nộp đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung: Yêu cầu Công ty P trả số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng, riêng đối với tiền lãi do chậm thanh toán, Công ty B không yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2018 đến 30/3/2019, nay yêu cầu tính từ ngày đến hạn là 14/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 11,25% (7,5% x 150%) theo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền lãi: 22.176.000 đồng. Vì vậy, số tiền cả gốc và lãi Công ty P phải trả cho Công ty B là: 262.176.000 đồng.

Yêu cầu Công ty P trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện hợp pháp Công ty B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2019, ông Phạm Văn Thiên H là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P trình bày: Ông H xác nhận Công ty P có ký với Công ty B hợp đồng nguyên tắc số: NPP-02//BMAV/2018 ngày 06/9/2018. Ngày 31/12/2018, Công ty P có mua hàng của Công ty B theo hóa đơn AV/18P#0003256 trị giá 120.000.000 đồng và AV/18P#0003274 trị giá 120.000.000 đồng, tổng cộng: 240.000.000 đồng

Ngày 31/12/2018, hai bên có ký biên bản xác nhận công nợ, số tiền Công ty P còn nợ của Công ty B là 240.000.000 đồng.

Từ đó đến nay do làm ăn thua lỗ, gặp nhiều khó khăn trong công việc nên Công ty P không có khả năng trả số nợ trên. Do khó khăn nên Công ty P đề nghị được trả số tiền trên mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời,

Công ty P đề nghị nguyên đơn xem xét không tính lãi đối với Công ty P.

Tại bản tự khai ngày 18/9/2019, bà Nguyễn Thị Tâm T là đại diện theo pháp luật của Công ty P trình bày:

Theo thỏa thuận, ông H là người đại diện của Công ty P, mọi giao dịch mua bán và các thủ tục hành chính ông H là người trực tiếp thực hiện, ký tên, đóng dấu với tư cách đại diện Công ty. Vì vậy, việc ký hợp đồng giữa Công ty B và Công ty P bà T hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, ông H và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Bích N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Phạm Văn Thiên H, bà Nguyễn Thị Thanh T người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

2.1 Về yêu cầu bị đơn Công ty P phải trả số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng:

Xét, Công ty P thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số: NPP-02//BMAV/2018, hóa đơn giá trị gia tăng AV/18P#0003256, AV/18P#0003274 và biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2018, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật, nguyên đơn không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định Công ty P còn nợ Công ty B số tiền mua hàng là 240.000.000 đồng.

2.2 Về tiền lãi do chậm thanh toán:

Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty B yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán. Thực tế, các bên xác định thời hạn thanh toán tại biên bản xác nhận công nợ là ngày 14/11/2019. Từ ngày 15/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty P vẫn chưa thanh toán cho Công ty B số tiền nợ. Do đó, Công ty B yêu cầu Công ty P trả tiền lãi do chậm thanh toán là có cơ sở.

Căn cứ vào các thông tin lãi suất mà Tòa án đã thu thập tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Gia Định, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 9, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tân Sơn Nhất thì mức lãi suất nợ quá hạn trên trung bình trên thị trường là 15.45%/năm. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 11.25%/năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, có lợi cho bị đơn nên yêu cầu này được chấp nhận. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán. Công ty P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tiền lãi được tính từ ngày 15/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm: $240.000.000 \text{ đồng} \times 11.25\%/\text{năm} \times 308 \text{ ngày} = 22.176.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 55 Luật thương mại năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty B buộc Công ty P phải trả tiền nợ gốc và lãi là: 262.176.000 đồng.

2.3 Về thời hạn thanh toán: Công ty B yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc Công ty P thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 13.108.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B.

Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán cho Công ty TNHH B tiền nợ gốc 240.000.000 đồng và tiền lãi 22.176.000 đồng, tổng cộng: 262.176.000 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần P phải chịu tiền án phí là 13.108.800 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH B số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 6.214.200 theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000985 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Viễn Thoa

